

# Dạy học song ngữ tiếng Pháp ở Việt Nam: Mô hình và thực trạng

Nguyễn Thị Thu Hiền<sup>1</sup>, Đào Văn Toàn<sup>2</sup>,  
Bùi Diệu Quỳnh<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Email: ntthien.moet@gmail.com

<sup>2</sup> Email: toandvt@yahoo.fr

<sup>3</sup> Email: dieuquynhvaro@yahoo.com

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Một số lĩnh vực ở Việt Nam hiện đang trải qua những thay đổi nhanh chóng do sự đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, sự cởi mở của nó đối với thế giới, tăng trưởng kinh tế hay nói cách khác đang tham gia toàn diện vào quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa. Lĩnh vực giáo dục phổ thông Việt Nam không ngoài xu hướng đó, minh chứng là hàng loạt chương trình giáo dục song ngữ (Việt - Anh, Việt - Pháp, ...) đã ra đời. Bài viết tổng quan thực trạng triển khai chương trình giáo dục song ngữ tiếng Pháp ở nhà trường phổ thông hiện nay nhằm tìm ra điểm mạnh và những hạn chế còn tồn tại của mô hình song ngữ đã triển khai từ rất lâu này. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu tìm kiếm hướng đi mới thiết thực và hiệu quả cho việc xây dựng mô hình giáo dục song ngữ cho nhà trường phổ thông ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu giúp người học có thể sử dụng ngoại ngữ như một ngôn ngữ thứ hai sau tiếng mẹ đẻ trong bối cảnh giáo dục mới.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục song ngữ; giáo dục/giảng dạy song ngữ Pháp - Việt; CLIL; giảng dạy; tiếng Pháp; mô hình giáo dục song ngữ.

→ Nhận bài 09/8/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 15/9/2019 → Duyệt đăng 25/11/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Để nâng cao chất lượng học ngoại ngữ, một trong những phương thức hiệu quả là các chương trình (CT) giáo dục song ngữ (GDSN, trong đó học sinh (HS) có thể tiếp cận nội dung học tập các môn học thông qua và đồng thời với việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (NN), cả tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ. Nói cách khác, ngoại ngữ không chỉ là đối tượng học tập mà còn là công cụ học tập. Thông qua đó, HS có tiềm năng để phát triển một bản sắc đa văn hóa, trở thành những cá nhân song ngữ (SN), đem lại cho họ lợi thế cạnh tranh trong thị trường nhân lực.

Trong bối cảnh phát triển theo xu hướng hội nhập, hợp tác đa dạng và toàn diện với thế giới, Việt Nam đã chọn lựa chính sách phát triển đa NN, đa văn hóa và việc phát triển giảng dạy tiếng Pháp, đặc biệt là các lớp SN Pháp - Việt, thể hiện rõ chính sách đó. Bài viết dưới đây là bức tranh khái quát thực trạng triển khai GDSN tiếng Pháp ở nhà trường phổ thông Việt Nam, dựa trên việc hồi cứu tư liệu, nghiên cứu đã có và một số khảo sát nhỏ, chúng tôi đã tiến hành nhằm làm rõ đặc trưng, một số khó khăn, bất cập của mô hình GDSN này. *Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp Bộ "Mô hình dạy học SN cấp Trung học ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới GD". Mã số B2017.VKG.01.*

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Toàn cảnh về sự phát triển giảng dạy tiếng Pháp và chương trình giáo dục song ngữ tiếng Pháp ở phổ thông của Việt Nam những năm gần đây

Hiện tại, tiếng Pháp là một trong bốn ngoại ngữ chính thức được giảng dạy ở phổ thông, cùng với tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga và là ngoại ngữ đứng thứ hai sau

tiếng Anh về số lượng HS theo học ở Việt Nam.

Trước năm 1994, tiếng Pháp được dạy như ngoại ngữ thứ nhất tại một số trường trung học, chủ yếu là cấp THPT theo CT 3 năm và tại một số trường chuyên. Từ năm 1994, tiếng Pháp được giảng dạy như một NN thứ hai (NN làm công cụ giảng dạy) trong CT GDSN tiếng Pháp. Từ năm 2001, tiếng Pháp được dạy như ngoại ngữ thứ hai ở cấp trung học cho HS đã học một ngoại ngữ khác.

Như thế, hiện nay, giảng dạy tiếng Pháp được biết tới với 4 CT khác nhau trong GD phổ thông: CT tiếng Pháp ngoại ngữ 1 (hệ 3 năm: bắt đầu học từ lớp 10 và hệ 7 năm: bắt đầu học từ lớp 6), CT tiếng Pháp ngoại ngữ 2 (bắt đầu từ lớp 6 hoặc từ lớp 10), tiếng Pháp chuyên và tiếng Pháp SN.

Từ năm 1994 đến nay, giảng dạy tiếng Pháp trong GD phổ thông đều có sự hỗ trợ của các đối tác Pháp ngữ thông qua các dự án, đề án, đó là Dự án tăng cường giảng dạy tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp (Đề án GDSN tiếng Pháp) từ năm 1994 đến năm 2006, Dự án dạy thí điểm tiếng Pháp ngoại ngữ 2 từ năm 2001 đến năm 2005, Đề án tăng cường giảng dạy tiếng Pháp trong hệ thống GD quốc dân, giai đoạn 2007- 2010 gia hạn tới tháng 12 năm 2011 và giai đoạn 2012 - 2015.

CT SN tiếng Pháp là CT GDSN đầu tiên của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và là hình mẫu cho một loạt các CT GDSN tiếng Anh xuất hiện sau đó. Đây là CT được thực hiện bởi một Dự án có tuổi thọ khá bền vững (12 năm dự án từ năm 1994 đến hết năm 2006) với sự hỗ trợ rất tích cực và trực tiếp trên nhiều phương diện: chuẩn bị, đào tạo và tuyển chọn GV, tổ chức, triển khai, quản lý từ phía các đối tác Pháp ngữ đặc biệt là tổ chức các trường đại học có sử dụng tiếng Pháp (AUF). Trước khi dự án kết thúc, vào năm 2005,

Bộ GD&ĐT đã tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện dự án. Bản báo cáo tổng kết đã cho thấy những kết quả đạt được của CT được đánh giá cao với những thành tựu nổi bật của CT như sau:

- Xây dựng và quản lý hiệu quả mạng lưới gồm 109 trường tham gia CT trên 19 tỉnh/thành phố;
- Phù hợp giữa nhu cầu đào tạo và định hướng của CT;
- Đào tạo được thế hệ thanh niên ưu tú, cội mở;
- Tỷ lệ đỗ tại các kì thi tốt nghiệp và đại học cao;
- Có ảnh hưởng tốt tới việc giảng dạy NN, góp phần đáng kể vào việc phổ biến tiếng Pháp (Bộ GD&ĐT, (2005), Báo cáo tổng kết 10 năm Hội nghị tổng kết 10 năm triển khai CT tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp, Hà Nội.).

Từ năm 2012, CT GDSN tiếng Pháp thực hiện theo kế hoạch GD mới, ban hành theo Quyết định số 4113/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 6 năm 2009 với việc giảm thời lượng của tiếng Pháp và các CT GD mới các môn Tiếng Pháp và Toán, Vật lí (môn tự chọn).

Như vậy, về mặt chính sách, CT này đã được ủng hộ. Tuy nhiên, bởi nhiều lí do, số người học và số lớp học tiếng Pháp đã giảm sút khá nhanh chóng về mặt số lượng. So sánh kết quả của 3 cuộc khảo sát vào các năm 2006, 2009 và 2014 cho thấy rõ điều này (xem Bảng 1):

Bảng thống kê cho thấy mức độ sụt giảm của số lượng GV, HS, lớp và trường thực hiện dạy học (xem Bảng 2):

**Bảng 1:**

	Sau 3 năm	Sau 8 năm
Số lượng GV giảm	35,2 %	55.1 %
Số lượng HS giảm	47,2 %	68.5 %
Số lượng lớp giảm	37,5 %	63.4 %
Số lượng trường giảm	29,5 %	53.4 %

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy việc giảm sút chủ yếu xảy ra trước hết trong CT tiếng Pháp NN1, sau đó là CT tiếng Pháp NN2. Tiếng Pháp trong các lớp chuyên tương đối ổn định. Nhìn qua thì CT SN tuy có suy giảm nhưng không nhiều. Tuy nhiên, số liệu thống kê đầy đủ nhất cho đến hiện tại là số liệu của BGD năm 2014 cho thấy mức độ sụt giảm còn nghiêm trọng hơn (xem Bảng 3):

Nhìn vào số liệu ở Bảng 3, có thể thấy:

**Bảng 2:**

CT	Tổng số														
	NN1			NN2			Chuyên			SN					
	2006	2009	2014	2006	2009	2014	2006	2009	2014	2006	2009	2014	2006	2009	2014
GV	622	280	55	292	219	206	59	60	64	419	336	295	1382	895	620
HS	85183	28779	3021	50287	37008	31.094	1609	1674	1345	16627	13809	12911	153706	81270	48.446
Lớp	1963	870	107	1184	930	805	62	71	54	619	520	432	3823	2391	1398
Trường	245	119	37	116	106	88	21	24	19	112	97	86	494	346	230

- Số tình tham gia CT GDSN tiếng Pháp đang giảm. Ba tỉnh không tuyển mới các lớp SN ở TH, thậm chí có tỉnh cả ở THCS chỉ còn lại một vài lớp ở THPT: Có nghĩa là GDSN tiếng Pháp đang biến mất dần ở các tỉnh này. Số lượng HS rời khỏi CT sau mỗi cấp lớp (TH lên THCS và THCS lên THPT) khá lớn.

## 2.2. Sự vận động của mô hình giáo dục song ngữ tiếng Pháp ở Việt Nam

### 2.2.1. Các giai đoạn phát triển

#### Giai đoạn 1 (1994 - 2006):

Giai đoạn hình thành với Dự án giảng dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp. Các đối tác Pháp ngữ tham gia với sự hỗ trợ toàn diện và trực tiếp về nhiều phương diện.

- *Các lộ trình:* CT được triển khai với 2 lộ trình: Lộ trình A (12 năm từ lớp 1 đến lớp 12- bắt đầu học TP từ lớp 1) và lộ trình B (7 năm từ lớp 6 đến hết lớp 12) - lộ trình B được coi là lộ trình tạm thời, trong khi chờ đợi số HS vào lớp 1 SN học xong TH. Nguyên tắc cơ bản là xây dựng CT bổ sung thêm vào CT GDPT chung.

- *Tuyển sinh:* Sau một vài năm đăng kí tự nguyện, việc tuyển sinh đầu cấp TH được thực hiện thông qua các bài kiểm tra khả năng test diagnostic. Đối với lớp 6: HS đã hoàn thành CT GD TH, có điểm đánh giá định kì cuối năm học lớp 5 học lực SN tiếng Pháp đạt 6,0 điểm trở lên được tuyển thẳng vào các lớp SN tiếng Pháp. Đối với lớp 10: HS phải tham dự kì thi tuyển đầu vào.

- *Môn Tiếng Pháp:* Dạy theo tư tưởng tiếng Pháp - NN 2 (không phải là tiếng Pháp - ngoại ngữ) với thời lượng tăng đáng kể, yêu cầu so với CT môn Tiếng Pháp ngoại ngữ cao hơn rất nhiều. Trong giai đoạn đầu, chưa có CT thực sự, ở TH, GV dựa vào các tài liệu giáo khoa tiếng Pháp - NN2: “La petite grenouille”, và “Ici et Ailleurs” của nhà xuất bản Clé International (1986) và sau đó biên soạn bổ sung “Ici au Vietnam”. Ở THCS, sử dụng cuốn sách “Ici et ailleurs” 6, 7, 8, 9 do phía Pháp hỗ trợ mua bản quyền. Ở THPT, GV tự xây dựng tài liệu với sự hỗ trợ của trợ lí sư phạm Pháp ngữ. Đến năm 2006, phía AUF đã hỗ trợ cử chuyên gia Pháp cùng với nhóm chuyên gia Việt Nam xây dựng bộ tài liệu giảng dạy “Recueil de textes” lớp 10, 11, 12.

- *Các môn Toán và Khoa học bằng tiếng Pháp:* Ban đầu, Toán và 2 môn khoa học gồm Vật lí, Sinh học được lựa chọn, sau đó chỉ còn Toán và Vật lí. Các môn này xây dựng như môn học bổ sung, song song với việc học các môn này bằng tiếng Việt. Được bắt đầu từ cấp TH, nhưng được

Bảng 3:

TT	Tỉnh	Số trường				Số lớp				Số HS			
		TH	THCS	THPT	Tổng	TH	THCS	THPT	Tổng	TH	THCS	THPT	Tổng
1	Ben Tre	0	0	1	1	0	0	2	2	0	0	29	29
2	Can Tho	8	3	2	13	47	12	6	65	1522	320	106	1948
3	Da Nang	2	2	1	5	13	6	3	22	426	135	60	621
4	Dak Lak	2	1	2	5	13	4	6	23	523	134	120	777
5	Dong Nai	1	1	1	3	9	6	3	18	204	140	44	388
6	Dong Thap	1	1	1	3	2	4	3	9	73	91	43	207
7	Hai Phong	1	1	1	3	10	8	3	21	387	181	117	685
8	Hanoi	7	8	2	17	29	31	7	67	1306	675	233	2214
9	Ho Chi Minh Ville	5	5	2	12	36	24	13	73	1512	768	368	2648
10	Khanh Hoa	3	1	1	5	19	9	3	31	540	272	63	875
11	Lam Dong	1	1	1	3	10	8	3	21	302	149	64	515
12	Nghe An	2	1	1	4	9	4	3	16	312	111	69	492
13	Quang Ninh	1	1		2	10	8	6	24	364	209	129	702
14	Thua Thien Hue	2	2	1	5	20	8	4	32	564	143	42	749
15	Tien Giang	0	1	1	2	0	3	3	6	0	37	21	58
16	Vinh Long	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	3	3
Totaux		36	29	19	84	227	135	69	431	8035	3365	1511	12911

(Nguồn: Bộ GD &ĐT (2015), Báo cáo tổng kết, Hội thảo tổng kết 20 năm CT GDSN tiếng Pháp, Hà Nội)

Bảng 4:

	Số tiết bổ sung	Tổng số tiết
TH	12 - 14 tiết	34 - 37 tiết/tuần
THCS	12 -14 tiết	39 - 41 tiết/tuần
THPT	12 -14 tiết	41,5 tiết/tuần

lồng vào giáo trình môn tiếng Pháp “Ici au Vietnam”. Ở cấp Trung học, ban đầu không có CT, GV sử dụng các bản dịch SGK của Việt Nam hoặc các bản tài liệu chọn lựa một số bài dạy của SGK Pháp về cơ bản là dựa trên CT GDPT của Việt Nam. Đây là giai đoạn mà đa số GV tự xác định CT và tìm kiếm tài liệu, PPDH thích hợp. Quan điểm của một số GV giai đoạn này nghiêng về phía mục tiêu dạy NN, ít chú ý đến nội dung môn học.

- *Về kế hoạch và thời lượng dạy học:* Tuân thủ theo CT GDPT Việt Nam, CT GDSN tiếng Pháp còn bổ sung thêm (Vi Văn Đình, (2008), Hiện trạng và nhu cầu đổi mới, Báo cáo tại Hội thảo Đổi mới CT dạy học tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp, Bộ GD&ĐT, Đồ Sơn) (xem Bảng 4).

Mỗi môn Toán, Vật lí hay Sinh học bổ sung từ 1,5 đến 2 tiết/tuần.

- *Các điều kiện liên quan*

*GV và đào tạo GV:* Ngoài một số GV tiếng Pháp hay GV

các môn mạnh về tiếng Pháp (GV các môn dạy bằng tiếng Pháp ở miền Nam, một số GV và chuyên gia được đào tạo để đi chuyên gia ở các nước nói tiếng Pháp...), dự án chú trọng tuyển chọn GV từ các trường đại học và từ các GV đang giảng dạy, đưa đi đào tạo tại Pháp hay các nước Pháp ngữ, đồng thời mở một số lớp đào tạo GV nguồn ở đại học sư phạm.

*Về phương pháp dạy học:* Sự tham gia và giám sát thường xuyên của các cố vấn sư phạm Việt Nam và Pháp ngữ (Pháp, Bỉ, Quebec...) ở các địa phương cùng các đợt tập huấn liên tục trong và ngoài nước, chế độ sinh hoạt chuyên môn riêng của GV khối Pháp ngữ cho phép thúc đẩy các phương pháp dạy học tích cực trong lớp học.

*Điều kiện dạy học:* Các lớp SN được xây dựng đảm bảo yêu cầu sĩ số nhỏ (dưới 25 HS/lớp) và nhận được sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, tài liệu, chuyên gia từ khối Pháp ngữ. Thêm vào đó là các hoạt động kết nối, kết nghĩa với các trường thuộc khối Pháp ngữ...

*Về đầu ra:* Nhiều chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Pháp được mở ở bậc Đại học. Nhiều ưu đãi của các nước Pháp ngữ cho HS của CT SN tiếng Pháp như các học bổng du học, chấp nhận các bằng cấp của HS SN ...

*Về kiểm tra đánh giá:* Điểm các môn Toán và Khoa học tiếng Pháp được tính vào điểm môn Tiếng Pháp để tính điểm theo hệ thống chung của Việt Nam. Ngoài ra, HS

còn có học bạ SN riêng với đầy đủ các môn Tiếng Pháp và các môn dạy bằng tiếng Pháp. Cuối các cấp học THCS và THPT, ngoài các kì thi chung của Việt Nam, HS các lớp SN phải thi thêm các bài thi môn Tiếng Pháp và các môn dạy bằng tiếng Pháp. Đại sứ quán Pháp cấp chứng chỉ tốt nghiệp SN THPT (Bac francophone).

*Về quản lí:* Với hệ thống ban điều hành quốc gia và các ban điều hành ở các địa phương và nhà trường, với sự hỗ trợ tài chính của khối Pháp ngữ, CT GDSN tiếng Pháp được điều hành thống nhất và thụ hưởng sự tích cực từ phía các cấp quản lí địa phương và các trường. Là một trong những đổi mới đầu tiên của giảng dạy ngoại ngữ ở Việt Nam trong thời kì đổi mới (sau năm 1986), CT GDSN tiếng Pháp được coi là điểm sáng lớn nhất trong bức tranh dạy học ngoại ngữ ở Việt Nam giai đoạn đó.

**Giai đoạn 2 (2007-2012):**

Giai đoạn chuyển giao dự án cho phía Việt Nam, hòa nhập vào hệ thống GDPT chung theo cùng mô hình tổ chức dạy học. Tiếp nối mô hình chuyển giao của dự án những không còn sự hỗ trợ trực tiếp của các đối tác Pháp ngữ, dù về cơ bản vẫn hoạt động theo mô hình trước đó nhưng không còn các nguồn tài chính hỗ trợ phụ cấp lương cho các cấp quản lí và GV, với sự suy giảm hỗ trợ học bổng... Cùng với sự nổi lên của tiếng Anh, giai đoạn này dù có sự cam kết của phía Bộ GD&ĐT nhưng những bất cập của mô hình SN bộc lộ rõ rệt hơn, chịu sự cạnh tranh mạnh của tiếng Anh. Hệ thống đào tạo ban đầu các GV môn Toán và khoa học ở các trường đại học sư phạm bị hủy bỏ, mạng lưới cổ vấn sư phạm và đào tạo liên tục ở các địa phương cũng không còn kinh phí hoạt động. Các hỗ trợ bồi dưỡng thường xuyên cho GV không còn được phối hợp chặt chẽ mà do các đối tác khác nhau tiến hành (Đại Sứ quán Pháp, Đề án VALOFRAS Đông Nam Á)... Các trường tiến hành thu học phí để trang trải.

**Giai đoạn 3 (Từ năm 2012 đến nay): Giai đoạn hiện tại**

Về cơ bản, tiếp tục mô hình giai đoạn trước với một số thay đổi theo hướng giảm thời lượng và đưa thêm tiếng Anh vào như một môn lựa chọn cùng Vật lí áp dụng kế hoạch GD mới theo hướng giảm tải, giảm thời lượng và đưa thêm tiếng Anh như môn tự chọn cùng Vật lí, biên soạn các CT mới và SGK cho các cấp.

- *Lộ trình:* Chỉ còn lộ trình A

- *Tuyển sinh:* Giao quyền chủ động cho các địa phương trong công tác tuyển sinh. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng và yếu tố năng lực NN cần thiết, đối với lớp 1, các địa phương vẫn có thể sử dụng bài kiểm tra test diagnostic. Đối với lớp 6: HS đã hoàn thành CT GD TH, có điểm đánh

giá định kì cuối năm học lớp 5 học lực SN tiếng Pháp đạt 6,0 điểm trở lên được tuyển thẳng vào các lớp SN tiếng Pháp. Đối với lớp 10: HS được tuyển thẳng vào các lớp 10 SN tiếng Pháp khi có đủ một số: Xếp loại học lực, hạnh kiểm cả năm của các lớp cấp THCS từ loại Khá trở lên; Xếp loại xét tốt nghiệp THCS loại Khá trở lên; HS được xếp loại công nhận tốt nghiệp CT SN cấp THCS từ loại Khá trở lên

- *Kế hoạch GD:* Thời lượng dạy học giảm xuống (xem Bảng 5):

- *Môn Tiếng Pháp:* giảm thời lượng, tổng thời lượng chỉ còn 3360 tiết: 1750 tiết ở TH, 980 tiết ở THCS, 630 tiết ở THPT. Đầu ra các cấp được quy định rõ: Kết thúc cấp TH, tương đương cấp độ DELF A2 enfant của Pháp = bậc 2 khung tham chiếu Châu Âu (A2); Kết thúc THCS, DELF B1 ado của Pháp = bậc 3 khung tham chiếu Châu Âu (B1); Kết thúc lớp 11, DELF B2 adulte Pháp = bậc 4 khung tham chiếu Châu Âu (B2).

Hướng dẫn về phương pháp dạy học: Chú trọng hơn phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo định hướng hành động và tiếp cận dạy học đa ngữ.

**Tài liệu dạy học:**

- Ở TH: Vẫn tiếp tục sử dụng bộ sách “La petite grenouille”, “Ici au VietNam” và “Ici et Ailleurs” cùng kết hợp với tham khảo các bộ giáo trình mới dành cho TH do Đại Sứ quán Pháp hỗ trợ tài liệu.

- Ở THCS: Sử dụng cuốn sách “Ici et ailleurs” 6, 7, 8, 9 do phía Pháp hỗ trợ mua bản quyền có điều chỉnh cắt giảm một số nội dung theo CT mới ban hành năm 2010.

- Ở THPT: Sách tiếng Pháp lớp 10 CT SN do nhóm chuyên gia Việt Nam biên soạn với sự hỗ trợ của Đại Sứ quán Pháp (chủ biên Phạm Đức Sử). Cuốn sách đã được thẩm định và tiếp tục sửa chữa để in ấn cấp phát. Trong lúc chờ đợi các cuốn tiếng Pháp lớp 11, 12, hiện tại các sở GD&ĐT đang sử dụng bộ tài liệu do nhóm tác giả biên soạn sách đã tập huấn cho các GV những năm học trước. Đánh giá chung qua khảo sát năm 2018, tài liệu của HS đa số là các bản photocopy đen trắng và đã khá lạc hậu. Sách in không có màu, ít tranh ảnh, kém hấp dẫn..

- *Về môn học bằng tiếng Pháp:* Đề tăng tính hấp dẫn của CT, HS SN học 2 môn bắt buộc là tiếng Pháp và Toán bằng tiếng Pháp, môn Vật lí bằng tiếng Pháp trở thành môn tự chọn cùng với môn tiếng Anh. CT GD các môn Toán, Vật lí do Hội đồng CT và tài liệu của Việt Nam biên soạn với sự hỗ trợ của một số chuyên gia Pháp chủ yếu dựa trên CT GD của Việt Nam theo hướng củng cố, khai thác sâu hơn, bổ sung thêm cách tiếp cận và một số kĩ năng, kiến thức dựa trên tham khảo của GD Pháp. Cách tiếp cận tích hợp nội dung và NN được quán triệt.

Về tài liệu dạy học các môn này: Môn Toán vẫn sử dụng các tài liệu trước đây có hiệu chỉnh. Môn Vật lí, ở THCS sử dụng bộ sách Physique 6, 7, 8, 9 do nhóm chuyên gia Việt Nam và Pháp biên soạn (chủ biên Đào Văn Toàn). Bộ sách đã được thẩm định nhưng chưa xuất bản, GV được cung cấp bản điện tử. Ở cấp THPT vẫn sử dụng các tài liệu trước đó.

- *Ngoại ngữ 2:* Môn Tiếng Anh được đưa vào như môn tự chọn, sử dụng CT và SGK Tiếng Anh ngoại ngữ 1 hiện hành (hệ 7 năm) với yêu cầu đầu ra THPT tương đương A2.

**Bảng 5:**

Cấp học	Tiếng Pháp	Toán	Vật lý hoặc Tiếng Anh (chọn 01 trong 02 )
TH	10 tiết (bao gồm cả các kiến thức Khoa học đơn giản)		
THCS	7,0 tiết	2 tiết	2 tiết
THPT	7,0 tiết	2 tiết	2 tiết

- *Về kiểm tra đánh giá:* Việc kiểm tra đánh giá đối với CT SN tiếng Pháp được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT ban hành hàng năm căn cứ theo Kế hoạch GD áp dụng cho CT SN tiếng Pháp và môn Tiếng Pháp ngoại ngữ 2 ban hành kèm theo Quyết định số 4113/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2009. Theo đó, việc đánh giá năng lực ngoại ngữ được đánh giá theo cả 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết và kiến thức NN từ cấp TH tới cấp THPT (riêng cấp TH có thêm phần đánh giá Toán và Khoa học). Cách tính điểm chung vẫn tuân thủ quy định trước đây (Tính điểm môn học dạy bằng tiếng Pháp vào điểm môn Tiếng Pháp). Cuối cấp THCS và THPT vẫn có kì thi tốt nghiệp bổ sung cho SN với môn Tiếng Pháp và môn Toán bằng tiếng Pháp. Cách tổ chức thi tốt nghiệp CT SN và CT tăng cường tiếng Pháp như sau:

- Ở THCS: Các sở GD&ĐT chủ động xây dựng kế hoạch thi tốt nghiệp: Tổ chức ra đề thi các môn tiếng Pháp, Toán bằng tiếng Pháp, coi thi, chấm thi và xét tốt nghiệp CT SN, CT tăng cường tiếng Pháp cho HS lớp 9 theo CT SN tiếng Pháp hiện hành.

- Ở THPT: Kì thi do Bộ GD&ĐT tổ chức. Từ năm học 2017 - 2018, các sở GD&ĐT tổ chức kiểm tra học kì II môn tiếng Pháp và môn Toán bằng tiếng Pháp chung cho tất cả các HS học CT SN, CT tăng cường tiếng Pháp trên toàn tỉnh/thành phố, xét tốt nghiệp CT SN, CT tăng cường tiếng Pháp.

- *Về đội ngũ GV tiếng Pháp và GV dạy các môn học bằng tiếng Pháp:* So với trước đây, đội ngũ suy giảm mạnh. Nhiều GV được đào tạo bài bản rời khỏi CT (chuyển sang dạy các trường đại học...). Nhiều GV thế hệ đầu đã về hưu. Không có các CT đào tạo nguồn GV mới với GV các môn Toán và Khoa học bằng tiếng Pháp. Đại Sứ quán Pháp phối hợp cùng Bộ GD&ĐT có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho GV tiếng Pháp và GV Toán tiếng Pháp nhưng tần suất ít hơn nhiều và rất ít có các tập huấn tại các nước Pháp ngữ khác. Không còn hệ thống cố vấn sư phạm người Việt và Pháp ngữ thường trực, chế độ sinh hoạt chuyên môn thường xuyên không được duy trì.

- *Về phương pháp dạy học:* Một mặt do không còn được bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn thường xuyên, do tài liệu đã khá lạc hậu, mặt khác do ảnh hưởng mạnh của thi cử, ở nhiều nơi việc dạy học tiếng Pháp chủ yếu nghiêng về các kiến thức ngữ pháp, kĩ năng đọc hiểu. Việc rèn luyện kĩ năng nghe nói và xây dựng môi trường giao tiếp bị xem nhẹ (kết quả khảo sát 2018 với HS).

- *Về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và điều kiện dạy học:* Vẫn có sự hỗ trợ của Đại sứ quán Pháp nhưng ở mức độ thấp hơn nhiều so với trước đây. Sĩ số lớp học ở nhiều nơi tăng cao, thậm chí lên tới 40 - 50 HS/lớp.

Các khảo sát, phỏng vấn cán bộ quản lí, GV và HS một số tỉnh năm 2018 cho thấy rõ những bất cập và khó khăn đã nêu. Đa số HS cho rằng CT khá nặng và hàn lâm, thời lượng lớn.

### 2.2.2. Khái quát mô hình

Từ các phân tích sự biến đổi phương thức triển khai CT GDSN tiếng Pháp trên đây, căn cứ vào các lí luận hiện tại, có thể xác định một số đặc trưng cơ bản của mô hình GDSN

tiếng Pháp hiện tại như sau:

- Mục tiêu: Cả tiếng Việt và tiếng Pháp đều là NN đích. Cả hai NN vừa là đối tượng học tập (môn học) vừa là công cụ dạy học môn học khác.

- Thời điểm đưa tiếng Pháp vào giảng dạy và độ dài, thời lượng sớm, từ lớp 1 với thời lượng khá lớn, kéo dài liên tục. Môn Tiếng Pháp đặt yêu cầu cao theo hướng NN 2, với nhiều yêu cầu về kiến thức NN và văn chương.

- Môn học bằng tiếng Pháp: CT bắt buộc đưa môn Toán vào dạy bằng tiếng Pháp từ lớp 6. Môn Vật lí bằng tiếng Pháp là môn tự chọn. Thực tế với đại đa số HS, thời lượng dạy bằng tiếng Pháp chỉ chiếm 2 tiết/tuần.

- CT nghiêng về phía tinh hoa, dành cho HS khá: Tuyển sinh đầu vào từ TH và chọn lựa, đặc biệt đầu vào THPT. Các HS tham gia học CT SN tiếng Pháp đều là các HS có trình độ học lực từ loại khá trở lên và đều được tuyển chọn để vào học, không phải là những HS đại trà.

- CT thực tế đang đi theo hướng đa ngữ với việc giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ.

- CT được quản lí theo mô hình cứng, thống nhất chung cả nước và kéo dài 12 năm học phổ thông.

Với những đặc trưng như vậy, có thể thấy mô hình này dẫn đến những bất cập sau:

- Trong bối cảnh hiện tại, để tạo ra môi trường SN tiếng Pháp khá hạn chế, cách tiếp cận tiếng Pháp như NN 2 với yêu cầu cao về kiến thức NN học thuật đặt ra những đòi hỏi không phù hợp thực tiễn.

- Với những yêu cầu cao về tiếng Pháp, việc tăng nhiều thời lượng dành cho tiếng Pháp, cùng với việc áp dụng mô hình môn SN bổ sung, đòi hỏi tăng thời lượng nhiều (2 tiết/môn), CT trở thành nặng đối với nhiều HS. Trong bối cảnh đầu ra hạn chế, cạnh tranh mạnh với tiếng Anh, HS các lớp SN đa số đều học thêm tiếng Anh ngoài việc học thêm các môn học khác như đa số HS khác, CT trở thành quá tải.

- Việc điều hành thống nhất trong toàn quốc, quy định cứng các môn học dạy bằng tiếng Pháp như môn độc lập, bổ sung cho môn học bằng tiếng Việt có thể không phù hợp với thực tế của các cơ sở GD. Có những trường có GV môn học khác có năng lực tiếng Pháp tốt (Ví dụ: GV các môn Sinh học, Tin học...) nhưng không thể triển khai dạy SN. Những quyết định bỏ hay chuyển sang tự chọn (cạnh tranh với tiếng Anh) của một môn học dẫn đến việc hàng loạt GV được đào tạo bài bản nhiều năm để dạy môn học đó bị bỏ phí.

- Đi theo khuynh hướng tinh hoa, chuyên chọn, tuyển chọn từ lớp 1, mô hình khó có khả năng hòa nhập hệ thống GDPT chung và khó có khả năng phát triển rộng. Cộng thêm với tính cứng nhắc của mô hình, khó có khả năng nhận thêm HS từ các lộ trình khác chuyển vào, mặt khác cũng bó buộc, không có nhiều lựa chọn cho HS tham gia từ lớp 1.

### 2.3. Khuyến nghị về giải pháp

- Về mục tiêu: Hướng theo mục tiêu đào tạo cá nhân đa ngữ.

- Xây dựng lại mô hình theo hướng mềm và linh hoạt, đa dạng, bên cạnh mô hình theo khuynh hướng chuyên chọn cần triển khai thêm các mô hình khác, phù hợp hơn với thực tiễn và hệ thống:

Ngoài mô hình tăng cường tiếng Pháp từ lớp 1, cần chấp nhận các mô hình SN trong đó tiếng Pháp là ngoại ngữ 1, được giảng dạy với thời lượng theo quy định cho ngoại ngữ 1 trong CT GDPT mới hay CT SN cho các HS chọn tiếng Pháp là ngoại ngữ 2 (bắt đầu từ lớp 6).

Bên cạnh mô hình coi môn Tiếng Pháp là môn độc lập, bổ sung cho môn học bằng tiếng Việt, nên khuyến khích triển khai mô hình tích hợp dạy học các môn bằng tiếng Pháp và bằng tiếng Việt.

Cho phép và khuyến khích các trường đa dạng hóa môn học SN tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của địa phương và nhà trường. Các trường có thể chọn các môn học khác nhau (Toán, Khoa học, Tin học hay Kinh tế...).

- Các địa phương và các trường lựa chọn GDSN tiếng Pháp cần chú trọng đến việc: Chuẩn bị đội ngũ GV và có kế hoạch tìm kiếm, bồi dưỡng GV các môn dạy bằng tiếng Pháp. Chú trọng việc tạo ra môi trường và không gian Pháp ngữ: các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, các sự kiện...

### 3. Kết luận

Trong giai đoạn tham gia tích cực vào toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sau rộng, hợp tác song phương và đa phương hiện nay, với những thay đổi không ngừng của nhu cầu xã hội, Việt Nam cần xây dựng và triển khai chính sách đa NN một cách nhất quán. Bên cạnh tiếng Anh, việc phát triển giảng dạy các NN khác như Pháp, Trung, Nhật, Hàn... là vô cùng cần thiết. Trong một thế giới ngày càng phẳng, biết thêm một NN là thêm một cơ hội tiếp cận với thế giới ngoài đường biên quốc gia và tăng thêm cơ hội cạnh tranh trên thị trường. Để nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, GDSN là một trong những biện pháp hiệu quả. Việc nghiên cứu chi tiết các mô hình GDSN hiện có cùng với sự vận động, thay đổi để phù hợp với bối cảnh để có thể triển khai rộng rãi nhiều mô hình GDSN hiệu quả trong các trường phổ thông là hết sức cần thiết, góp phần hoạch định chính sách GD NN của quốc gia. Nghiên cứu GDSN tiếng Pháp, mô hình xuất hiện sớm nhất và đã từng là hình mẫu để xây dựng các mô hình GDSN tiếng Anh ở trường phổ thông đi theo cách tiếp cận đó.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Báo cáo tổng kết, Hội thảo tổng kết 10 năm triển khai Dự án Tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2009) *Quyết định số 4113/QĐ-BGDĐT về việc phê duyệt kế hoạch giáo dục áp dụng cho Chương trình song ngữ tiếng Pháp*, ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2009.
- [3] Thủ tướng Chính phủ, (2008), *Quyết định về việc phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020*, ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2008.
- [4] Duverger, J.,(2009), *L’enseignement en classe bilingue*, Hachette. Paris.
- [5] Đào Văn Toàn - Bùi Diệu Quỳnh, (2019), *Một số mô hình giáo dục song ngữ trên thế giới*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, kì 3, tr. 328 - 332.
- [6] Vi Văn Đình, (2008), *Hiện trạng và sự cần thiết đổi mới*, Báo cáo tại Hội thảo Đổi mới Chương trình dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [7] Võ Văn Chương, (2015), *Enquete socio-linguistique sur l’enseignement du francais au Vietnam*, Báo cáo tổng kết, OIF- Đại Sứ quán Pháp.

## VIETNAMESE-FRENCH BILINGUAL EDUCATION IN VIETNAM: MODEL AND CURRENT STATUS

Nguyen Thi Thu Hien<sup>1</sup>, Dao Van Toan<sup>2</sup>, Bui Dieu Quynh<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Email: ntthien.moet@gmail.com

<sup>2</sup> Email: toandvt@yahoo.fr

<sup>3</sup> Email: dieuquynhvaro@yahoo.com

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
52 Lieu Giai, Ba Dinh district, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** Vietnam is currently experiencing rapid changes in socio-economic areas due to the diversification of international relations, and its openness to the world as well as toward Vietnam’s economic growth and population growth. Vietnam’s general education is not out of this development trend, as evidenced by the development of a series of bilingual education programs (Vietnamese - English, Vietnamese - French, etc.). The objective of this article is to overview the current status of French bilingual programs in high schools today in order to find out the strengths and shortcomings of the ongoing bilingual education model that has been implemented for a long time. On that basis, the research team seeks for new and effective directions for building up a bilingual education model which could be applied nationwide in high schools in Vietnam to help young learners use foreign languages as a second language in the new educational context.

**KEYWORDS:** Bilingual education; Vietnamese - French bilingual education; CILL; teaching; French; bilingual education model.